**Lý luận văn học về vợ chồng A Phủ**

**I. Lý luận văn học về vợ chồng A Phủ**

1. “Tô Hoài là một nhà văn lớn của Văn học Việt Nam hiện đại, người có 95 năm tuổi đời nhưng đã dành hơn 70 năm đóng góp cho văn học. Ông là nhà văn chuyên nghiệp, bền bỉ sáng tác và có khối lượng tác phẩm đồ sộ.” (Phạm Xuân Nguyên – Chủ tịch Hội Nhà văn Hà Nội)

2. “Ông là cây đại thụ cuối cùng của lớp tác giả văn xuôi thời kì Cách Mạng.” (Hà Minh Đức)

3. “Bản chất của văn chương Tô Hoài là phong cách, bút pháp đậm đà bản sắc dân tộc. Phẩm chất ấy là sự tích tụ của cả một đời gắn bó với đất nước và nhiều miền quê hương, trân trọng và yêu thương những con người lao động mang tâm hồn và tính cách của người Việt Nam” (Hà Minh Đức)

4. “…Nhưng điều kì diệu là dẫu trong cùng cực đến thế mọi thế lực của tội ác cũng không giết được sức sống con người. Lay lắt, đói khổ, nhục nhã, Mị vẫn sống, âm thầm, tiềm tàng mãnh liệt”

5. Nói về Mị, nhà văn Tô Hoài tâm huyết rằng: “Số phận của cô là sự hồi sinh mãnh liệt của con người cô. Sự hồi sinh của một con người là vô cùng quý giá.”

6. “Thật khó để tìm được một nhà văn thứ hai vừa có thể miêu tả chân thật, tinh tế những cung bậc cảm xúc của cô Mị yêu sống nhưng bị giam cầm trong cảnh tù túng của “Vợ chồng A Phủ” (Phan Anh Dũng)

7. “Qua truyện ngắn “Vợ chồng A Phủ”. Tô Hoài đã dựng lên một bức tranh hiện thực về đời sống của đồng bào dân tộc miền núi Tây Bắc. Đồng thời nhà văn chỉ ra con đường giải phóng cho người lao động có cuộc đời tăm tối và số phận bi thảm”.

8. Truyện Vợ chồng A Phủ cũng như tập Truyện Tây Bắc nói chung bộc lộ rõ nét phong cách của Tô Hoài: màu sắc dân tộc đậm đà; chất thơ, chất trữ tình đằm thắm, lời văn giàu tính tạo hình.

9. Đọc xong truyện ngắn Vợ chồng A Phủ của Tô Hoài. Gấp trang sách lại rồi mà chúng ta vẫn không quên được gương mặt “buồn rười rượi” của Mị. Đó là gương mặt mang nỗi đau của một kiếp người không bằng ngựa trâu.

10. Đó là gương mặt tưởng như cam chịu, mất hết sức sống. Không, đằng sau gương mặt ấy, vẫn ẩn chứa một sức sống tiềm tàng không dễ gì dập tắt. Tô Hoài nói với Phan Thị Thanh Nhàn:“Muốn viết văn, điều quan trọng nhất là chi tiết. Mà chi tiết thì không thể phịa ra được. Phải chịu khó quan sát, ghi chép, đọc và tiếp xúc càng nhiều càng tốt”.- (Lê Tiến Dũng, In trong “Những vấn đề ngữ văn“).

**II. Có ý kiến cho rằng: “Qua truyện ngắn “Vợ chồng A Phủ”, Tô Hoài đã dựng lên một bức tranh hiện thực về đời sống của đồng bào dân tộc miền núi Tây Bắc, đồng thời nhà văn chỉ ra con đường giải phóng cho người lao động có cuộc đời tăm tối và số phận bi thảm”.**

Ý kiến của anh (chị) về nhận định trên.

———

**Bài làm**

Tô Hoài là một trong những nhà văn tiêu biểu của nền văn xuôi Việt Nam hiện đại. Sáng tác của ông thường đầy ắp các chất liệu của đời sống hiện thực. Ông có vốn hiểu biết sâu sắc về đời sống và phong tục tập quán của nhiều vùng trên đất nước ta, trong đó có vùng đất Tây Bắc. “Vợ chồng A Phủ” trích trong tập “Truyện Tây Bắc” là một trong những truyện ngắn đặc sắc của Tô Hoài viết về vùng đất này. Truyện được ra đời sau một chuyến đi kéo dài nhiều tháng khi Tô Hoài cùng bộ đội lên giải phóng Tây Bắc năm 1952. Cuộc sống, con người và phong cảnh nơi đây đã để lại trong ông nhiều tình cảm đặc biệt sâu sắc. Nó trở thành nguồn cảm hứng chủ yếu để ông viết nên truyện ngắn này.

“Vợ chồng A Phủ” là câu chuyện viết về những người dân lao động vùng cao Tây Bắc không cam chịu bọn thực dân, chúa đất áp bức, đày đọa, giam hãm trong cuộc sống tối tăm vùng lên phản kháng, đi tìm cuộc sống tự do. Nó đã khắc họa chân thực những nét riêng biệt về phong tục, tập quán, tính cách và tâm hồn người dân, các dân tộc thiểu số bằng một giọng văn nhẹ nhàng, tinh tế, đượm màu sắc và phong vị dân tộc, vừa giàu chất tạo hình, vừa giàu chất thơ. Truyện ngắn đã để lại rất nhiều ấn tượng sâu sắc trong lòng độc giả. Có ý kiến cho rằng: “ Qua truyện ngắn “Vợ chồng A Phủ”, Tô Hoài đã dựng lên một bức tranh hiện thực về đời sống của đồng bào dân tộc miền núi Tây Bắc, đồng thời nhà văn chỉ ra con đường giải phóng cho người lao động có cuộc đời tăm tối và số phận bi thảm”.

Đúng vậy, ý kiến đó đã phản ánh một cách chân thực về giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo của tác phẩm. Ý kiến “Tô Hoài đã dựng lên một bức tranh hiện thực về đời sống của đồng bào dân tộc miền núi Tây Bắc” chỉ là một khía cạnh nhỏ trong giá trị hiện thực của tác phẩm. Nhưng nó đã cho thấy rõ nét cái tàn bạo, độc ác của bọn chúa đất, bọn thực dân (cha con Thống lí Pá Tra). Đồng thời cũng cho thấy cái số phận, nỗi thống khổ của người dân khi phải sống dưới ách thống trị của chúng (nhân vật Mị và A Phủ).

Trước hết, đối với nhân vật Mị, mở đầu tác phẩm, tác giả đã miêu tả hình dáng người con gái ngồi quay sợi gai bên tảng đá trước cửa, cạnh tàu ngựa. “Lúc nào cũng vậy, dù quay sợi, thái cỏ ngựa, dệt vải, chẻ củi hay đi cõng nước dưới khe suối lên, cô ấy cũng cúi mặt, mặt buồn rười rượi”. Một cô gái cô độc, âm thầm, gần như lẫn vào các sự vật vô tri: cái quay sợ, tảng đá, tàu ngựa, … trong khung cảnh đông đúc, tấp nập của nhà quan Thống lí. Là con dâu của một gia đình quyền thế có “nhiều nương ngô, nhiều bạc, nhiều thuốc phiện nhất làng”, vậy tạo sao lúc nào cô ấy cũng buồn? Tác giả đã tạo ra tình huống có vấn đề để dẫn dắt người đọc cùng tìm hiểu số phận của nhân vật Mị trong truyện.

Mị là một cô gái có nhiều thiệt thòi. Cô là con gái lớn trong một gia đình nghèo ở vùng cao Tây Bắc, mồ côi mẹ từ nhỏ, lớn lên trong vòng tay che chở của cha. Khi lớn lên, Mị trở thành một thiếu nữ xinh đẹp, một bông hoa của núi rừng, đã làm say lòng bao chàng trai Tây Bắc: “Trai đến đứng nhẵn cả chân vách đầu buồng Mị”. Mị có tài thổi sáo bằng lá, thổi kèn lá hay như thổi sáo, khiến cho trai làng “ngày đêm đã thổi sáo đi theo Mị”. Là một cô gái toàn vẹn cả sắc lẫn tài như vậy, lẽ ra cô phải được hưởng một cuộc sống hạnh phúc. Nhưng vì nhà nghèo nên cô không được sống như mong ước. Vì món nợ từ thời cha mẹ để lại, cô bị lừa và bị bắt về làm dâu gạt nợ cho nhà Thống lí Pá Tra. Ban đầu cô phản kháng: “Có đến hàng mấy tháng, đêm nào Mị cũng khóc”. Mị đã định ăn lá ngón tự tử. Trước khi chết cô đã về lạy cha, nhưng lời kêu van thống thiết của người cha già đã khiến Mị phải nuốt nỗi cay đắng, tủi nhục vào lòng, đành quay trở lại nhà Thống lí. Thương người cha già, Mị không còn ý định tự tử nữa.

Quãng đời của Mị sống với A Sử là những ngày vất vả, đau khổ. Cuộc sống của cô ngày càng đau khổ, ngày càng vất vả, nghiệt ngã. Mị đã trở thành nô lệ, bị chiếm đoạt sức lao động, nhan sắc và cuộc đời. Mị như một công cụ lao động cho nhà Thống lí Pá Tra. Cuộc sống của Mị gắn chặt với các sự vật vô tri. Càng ngày Mị càng ít nói “lùi lũi như con rùa nuôi trong xó cửa”. Bây giờ Mị không nghĩ đến chuyện chết nữa vì đã quen với cái khổ rồi và cho rằng mình còn sống mà như đã chết, bởi cuộc sống chẳng còn nghĩa lí. Đời Mị cứ thế lặng lẽ trôi đi. Cái ác của bọn Thống lí đã giết chết phần tốt đẹp trong con người Mị. Mị bị đày đọa đến mức tinh thần phản kháng cũng dần tê liệt. Tiếng thở dài của cô thể hiện thái độ buông xuôi, phó mặc cho số phận. “Bây giờ thì Mị tưởng mình cũng là con trâu, mình cũng là con ngựa…”. Con trâu, con ngựa nhà giàu đêm còn được nghỉ, còn cô không lúc nào ngớt việc.

Bị biến thành một thứ công cụ lao động là nỗi cực nhục mà Mị phải chấp nhận và chịu đựng. Nhưng sự ê chề của kiếp sống nô lệ chưa dừng lại ở đó, Mị còn phải chịu sự cầm tù kéo dài về tinh thần. “Ở cái buồng Mị nằm, kín mít, có một chiếc của sổ, một lỗ vuông bằng bàn tay…”. Cô sống vô cảm, chai lì, không còn ý thức về khổ đau, thời gian, tình yêu, khát vọng và cuộc sống. Đã bao năm rồi, Mị không biết đến mùa xuân, không đi chơi tết. Đó là cuộc sống chết về tinh thần, sống như một cái xác không hồn ở chốn địa ngục, trần gian. Nó đã gieo vào lòng người đọc sự cảm thông, thương xót.

Sự bất công, tàn bạo của bọn chúa đất, thực dân (tiêu biểu là cha con Thống lí Pá Tra) không chỉ dừng lại ở nhân vật Mị, qua diễn biến tâm trạng Mị, sự đau khổ về thể xác và tinh thần, mà còn xuất hiện khi nhà văn Tô Hoài miêu tả nhân vật A Phủ qua các hành động.

Cũng như Mị, A Phủ có một số phận đặc biệt. Từ nhỏ đã là cậu bé mồ côi. Trận dịch đầu mùa đã cướp đi của cậu tất cả: cha mẹ, người thân, nhà cửa… A Phủ đã từng bị bắt cóc, đem xuống núi bán đổi lấy thóc của người Thái. Tuy mới 10 tuổi nhưng A Phủ không thích ở dưới cánh đồng thấp, cậu cố tìm cách trốn thoát rồi lưu lạc đến Hồng Ngài. Lớn lên giữa núi rừng, A Phủ trở thành một thanh niên khỏe mạnh, có sức sống mạnh mẽ, cách ham sống tự do, có tài năng lao động đáng quý: đục lưỡi cày, đục cuốc, cày giỏi, săn bò tót giỏi. Con gái trong làng nhiều cô mê.

Cuộc sống hoang dã cùng hoàn cảnh sống cực nhọc, vất vả đã hun đúc A Phủ trở thành một chàng trai có tính cách mạnh mẽ, gan góc, can đảm và nghĩa khí. Mùa xuân, thanh niên đi chơi quay, thổi sáo. A phủ cũng đi chơi. A Sử đến phá quấy bị A Phủ ném quay vào mặt và bị đánh tới tấp khiến cho A Sử bị thương. Hành động nhanh, dồn dập thể hiện tính cách mạnh mẽ, gan góc và khát vọng tự do quyết liệt của A Phủ.

A Phủ đã phải trả giá rất đắt cho hành động táo tợn của mình. Trận đánh ấy đã mở đầu cho một chằng đường khổ sở tột cùng trong cuộc đời A Phủ. Anh bị Thống lí Pá Tra bắt, đánh đập và phạt vạ.

Nhà văn Tô Hoài tỏ ra rất sắc sảo trong việc miêu tả con người và cuộc sống vùng cao. Cha con tên Thống lí cùng lũ tay sai là hiện thân của giai cấp thống trị tàn ác, vô nhân đạo. Cuộc xử kiện tại nhà Thống lí Pá Tra diễn ra trong khói thuốc mù mịt kéo dài suốt mấy ngày đêm. Cứ mỗi đợt chúng hút xong, A Phủ lại phải quỳ ra giữa nhà để lũ tay sai của tên Thống lí xông đến đánh. “Cứ như thế, suốt chiều, suốt đêm, càng hút, càng tỉnh, càng đánh, càng chửi, càng hút”. A Phủ bị đánh đập tàn nhẫn nhưng chỉ quỳ im như tượng đá. A Phủ phải chịu phạt 100 đồng bạc, được Pá Tra cho vay và ở lại nhà Pá Tra làm thuê trừ nợ. Hủ tục, pháp lý nằm trong tay bọn chúa đất. Đây là cảnh xử kiện quái đản, lạ lùng. Tác giả vừa tố cáo tội ác dã man của bọn Thống lí Pá Tra vừa nói lên tình cảnh khốn khổ của những người dân.

Qua giá trị hiện thực của tác phẩm (cuộc đời, số phận của nhân vật Mị và A Phủ) nhà văn Tô Hoài đã thể hiện giá trị nhân đạo sâu xa. Nhà văn đã chỉ ra con đường giải phóng cho người lao động có cuộc đời tăm tối, số phận bi thảm. Con đường ấy được thể hiện rõ nét qua diễn biến tâm trạng Mị trong đêm tình mùa xuân và hành động Mị cởi trói cho A Phủ, cùng A Phủ trốn thoát.

Là con dâu trong nhà Thống lí Pá Tra bị đày đọa, bóc lột sức lao động, cầm tù về tinh thần nhưng từ sâu trong lòng Mị vẫn ấp ủ một ngọn lửa khát vọng sống, tự do, chỉ chờ cơ hội là trỗi dậy mạnh mẽ.

Sự hồi sinh của nhân vật Mị được tác giả miêu tả sâu sắc và tinh tế. Những yếu tố bên ngoài tác động vào tâm lí nhân vật như khung cảnh mùa xuân, tiếng sáo gọi bạn tình,… đã thức tỉnh tất cả cảm xúc của Mị: căm ghét sự bất công, tàn bạo, khao khát một cuộc sống tự do, hạnh phúc.

Mùa xuân đến với Hồng Ngài. Một mùa xuân hiện ra với màu sắc, âm thanh: tiếng sáo, tiếng khèn,… Cái không khí nồng nàn của mùa xuân như được tăng thêm bởi bữa rượu ngày Tết ở nhà Thống lí với tiếng chuông đánh ầm ĩ,… “Ngày Tết, Mị cũng uống rượu. Mị lén lấy hũ rượu, cứ uống ực từng bát”. Mị đang sống trong một trạng thái khác thường. Men rượi làm cho Mị lâng lâng say, nhưng tâm hồn cô thì từ từ thức tỉnh. Cái cách uống rượu “ực từng bát” khiến ta nghĩ như thể Mị đang cố uống cạn những cay đắng, uất hận của phần đời đã qua. Hơi men của rượu đã đưa tâm hồn Mị đi theo tiếng sáo, nó khiến cô nhớ lại những kỉ niệm đẹp của thời con gái,…

Nhớ lại quá khứ có nghĩa là Mị đã thoát ra khỏi tình trạng sống mà như đã chết. Mị thấy phơi phới trở lại, trong lòng vui sướng như những đêm Tết ngày trước. Mị nhận ra mình còn trẻ lắm và cô muốn đi chơi. Sức sống bấy lâu nay bị đè nén, giờ đây trỗi dậy mạnh mẽ, không gì ngăn nổi.

Xuất hiện trong tâm trí Mị đầu tiên là một ý nghĩ lạ lùng mà rất chân thật. “Nếu có nắm lá ngón trong tay lúc này, Mị sẽ ăn cho chết ngay,…”. Nghịch lí trên cho thấy khi niền khao khát sống được khơi lên, nó sẽ trở thành một mãnh lực xung đột gay gắt với trạng thái vô nghĩa của thực tại. Mị đã ý thức được thực tại của mình. Đó là biểu hiện của lòng khát khao sống mãnh liệt.

Trong khi đó, tiếng sáo gọi bạn tình cứ thôi thúc, mời gọi. Tiếng sáo là biểu tượng về khát vọng tình yêu. Tiếng sáo được miêu tả song hành với diễn biến tâm trạng Mị. Nó chính là ngọn gió thổi bùng lên đốm lửa vẫn đang cháy âm ỉ trong lòng cô gái khao khát tình yêu. Tiếng sáo đầy ám ảnh đã nhập vào thế giới tâm hồn Mị. Giờ đây tâm hồn Mị đang rập rờn tiếng sáo.

Sức sống trỗi dậy trong tâm hồn Mị như những đợt sóng ào ạt. Hành động Mị vào phòng lấy mỡ thắp nến cho sáng có nghĩa là Mị đang soi sáng tâm hồn mình để tìm lối thoát. Con người đích thực trong Mị đã sống lại, hòa lẫn với con người thực tại khiến tâm hồn cô chập chờn bất định. Dường như không đếm xỉa gì đến những xiềng xích tàn bạo của nhà Thống lí Pá Tra, Mị hành động như một con người tự do theo suy nghĩ, cảm xúc của mình. Cô quấn lại tóc, rút cái váy hoa trên vách, sửa soạn đi chơi Tết.

Giữa lúc khát vọng sống của Mị trỗi dậy mãnh liệt nhất thì cũng là lúc nó bị vùi dập phũ phàng nhất. A Sử trói đứng Mị vào cột nhà khiến cô không thể cúi, nghiêng đầu được. A Sử chỉ trói được thể xác của Mị, nhưng không trói được tâm hồn của Mị. “Mị vẫn nghe tiếng sáo đưa Mị đi theo những cuộc chơi, những đám chơi”. Tâm hồn Mị vẫn đi theo tiếng sáo và quên nỗi đau thể xác. Đến khi cô muốn “vùng bước đi” thì mới biết mình đang bị trói, tay chân đau nhức, Mị thổn thức nghĩ mình không bằng con ngựa.

Nhưng vào khuya, cô lại quên ngay hiện tại và bồi hồi sống lại cùng tiếng sáo. Mị “lúc mê, lúc tỉnh” cho đến khi trời tang tảng sáng lúc nào cũng không biết. Mị bàng hoàng tỉnh và thấy im ắng, không biết có chuyện gì xảy ra nữa. Mị chợt nhớ lại câu chuyện mà người ta hay kể ở nhà Thống lí Pá Tra, ngày xưa có một người vợ chết vì bị chồng trói trong nhà ba ngày. Nghĩ thế, Mị sợ lắm. Cô còn thử cựa quậy xem mình còn sống hay đã chết. Mị đã thức tỉnh và khao khát được sống.

Tô Hoài đã đặt sự hồi sinh của Mị bên cạnh tình huống đầy bi kịch: khát vọng sống mãnh liệt và hiện thực phũ phàng, nhưng sức sống của Mị lại càng dữ dội hơn. Nhà văn muốn khẳng định con người có sức sống mãnh liệt cho dù bị đày dọa, dẫm đạp đến thế nào.

Phản ứng của Mị chưa thể giải phóng được cuộc đời Mị, đem đến cho Mị một cuộc sống tự do, hạnh phúc. Mị chỉ thực sự được giải thoát khi cô có hành động cởi trói cho A Phủ.

Từ khi đi ở trừ nợ cho nhà quan Thống lí Pá Tra, A Phủ làm “phăng phăng”, việc gì cũng làm tốt cả. Nhưng sơ ý, vì mải mê bẫy nhím nên hổ đã bắt mất một con bò. A phủ không trốn tránh trách nhiệm mà đã dũng cảm nhận lỗi và xin Pá Tra cho mượn súng để đi bắn hổ nhưng bị từ chối. Suốt mấy ngày đêm, anh bị cha con Thống lí Pá Tra trói đứng vào một cây cột trong góc nhà chờ chết. Người con trai dũng mãnh ấy đã lâm vào tình cảnh tuyệt vọng. Nhưng cuộc sống của anh chưa hẳn đã dừng lại tại đây. A Phủ đã được Mị cắt dây cởi trói và cứu thoát.

Ban đầu chứng kiến cảnh A Phủ bị trói, Mị vẫn hoàn toàn vô cảm “thản nhiên ngồi thổi lửa, hơ tay”. Nhưng vào một đêm Mị tỉnh dậy sưởi lửa, cô nhìn thấy một dòng nước mắt chảy trên má A Phủ đen và xám lại. Lúc đó, cô mới nhận ra mình bởi cô cũng đã phải chịu đựng những khổ sở, cay đắng như thế. Cô cảm thấy thương A Phủ, cảm nhận được sự tàn ác của nhà Thống lí Pá Tra. “ Trời ơi, nó bắt trói đứng người ta đến chết…”. “Chúng nó thật độc ác…”. “Người kia việc gì mà phải chết thế”. Mị nhớ lại đời mình, lại tưởng tượng cảnh A Phủ tự trốn thoát,… Nghĩ thế, “Mị cũng không thấy sợ….”. Lòng thương người đã cho cô dũng cảm để cắt dây cởi trói cho A Phủ. Ban đầu, cô sợ mình phải đứng thế vào chỗ đó và “Mị đứng lặng trong bóng tối”. Nhưng sức sống mãnh liệt đã khiến cô có đủ dũng cảm chạy theo A Phủ, trốn khỏi Hồng Ngài đến Phiềng Sa và giác ngộ cách mạng. Hành động của Mị hoàn toàn là tự phát. Cô cởi trói cho A Phủ cũng chính là giải thoát cho cuộc đời mình. Đó là quy luật tất yếu của nhận thức “tức nước vỡ bờ”.

Mị là một cô gái trẻ đẹp, bị đẩy vào hoàn cảnh bi đát, phải sống triền miên trong đau khổ khiến cô dần tê liệt. Nhưng trong Mị vẫn tiềm tàng về sức sống, nó đã thức dậy và giúp cô có hành động táo bạo giải thoát cho cuộc đời mình. Cô có đời sống nội tâm âm thầm nhưng mạnh mẽ.

Qua việc miêu tả số phận và cuộc đời của nhân vật Mị và A Phủ, cách kể chuyện tự nhiên, sinh động, hấp dẫn; ngôn ngữ hồn nhiên, giàu hình ảnh; nghệ thuật xây dựng nhân vật, phân tích tâm lí tinh tế, miêu tả phong tục tập quán đặc sắc… Nhà văn Tô Hoài đã làm sống lại quãng đời tăm tối, tủi cực của người dân miền núi Tây Bắc dưới ách thống trị dã man của bọn chúa đất, thực dân phong kiến. Đồng thời khẳng định sức sống tiềm tàng, mãnh liệt, không bị hủy diệt của những người dân nô lệ. Tác giả khẳng định: chỉ có sự vùng dậy của chính họ thì mới dẫn tới cuộc đời tươi sáng. Đó là giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo sâu sắc của tác phẩm.

Chu Thị Lệ

Lớp 10A2 – Trường THPT Vân Nham, Hữu Lũng, Lạng Sơn

**III. Những thông điệp về ý nghĩa của sự sống qua tác phẩm: “Chí Phèo” của Nam Cao, “Vợ chồng A Phủ ” của Tô Hoài và vở kịch “Hồn Trương Ba da hàng thịt” của Lưu Quang Vũ.**

Mỗi giai đoạn lịch sử, mỗi số phận con người được các nhà văn thể hiện trong tác phẩm văn học với những triết lí nhân sinh sâu sắc về cuộc đời. Khi nhắc đến những cây bút như Nam Cao, Tô Hoài, Lưu Quang Vũ hẳn trong mỗi chúng ta đều có những ấn tượng sâu sắc về những tác phẩm đã đánh dấu tên tuổi của họ. Trong tác phẩm Chí Phèo của Nam Cao, Vợ chồng A Phủ của Tô Hoài và Vở kịch Hồn Trương Ba da hàng thịt của Lưu Quang Vũ ,thông qua những số phận đầy bi kịch của các nhân vật trong các tác phẩm mỗi tác giả đều gửi gắm những thông điệp về sự sống đầy ý nghĩa sâu sắc.

Nam Cao là một trong những cây bút bậc thầy trong nền văn học Việt Nam hiện đại, tác phẩm của ông chứa đựng giá trị hiện thực và nhân đạo sâu sắc mới mẻ. Những tác phẩm trước cách mạng tháng tám của nhà văn đã cho chúng ta nhìn lại một thời kì đau khổ của nhân dân ta, nổi bật trong sáng tác về đề tài người nông dân nghèo là truyện ngắn Chí Phèo.

Chí Phèo là nhân vật chính của tác phẩm, là nhân vật mà nhà văn gửi gắm nhiều triết lí sau sắc về số phận của con người. Chí Phèo vốn là một đứa trẻ mồ côi được dân làng Vũ Đại chuyền tay nhau nuôi lớn, khi là một thanh niên khoẻ mạnh Chí làm canh điền cho nhà Bá Kiến, anh là một người nông dân hiền lành chăm chỉ sống có ước mơ và giàu lòng tự trọng. Chỉ vì cơn ghen vô cớ của Bá Kiến cùng với quyền lực của một “tiên chỉ là Vũ Đại”Bá Kiến đã đầy Chí vào tù. Sau khi ra tù Chí nhanh chống trở thành tay sai đắc lực cho Bá Kiến và Chí đã bị dân làng Vũ đại sợ hãi xa lánh coi là quỹ dữ của làng.

Qua sự chăm sóc ân cần của Thị Nở, Chí Phèo đã được cảm hoá bởi tình thương, tình yêu của một con người dành cho một con người Chí đã có khát vọng được làm người dân lương thiện, mong muốn được biến ước mơ thời trai trẻ của mình thành hiện thực đó là xây dựng một mái ấm gia đình với Thị Nở. Nhưng vì sự ngăn cấm của bà cô Thị Nở mà quan trọng đó là sự định kiến của xã hội không chấp nhận một kẻ đã từng vào tù ra tội, một kẻ nghèo xác xơ như Chí được hoà nhập cộng đồng, được sống như một con người bình thường.Trong cơn đau đớn tuyệt vọng khi bị Thị Nở từ chối Chí đã đến nhà Bá Kiến, lần này Chí đến không phải để xin vài đồng bạc lẻ uống rượu mà Chí đến để xin được làm người lương thiện. câu hỏi của Chí “Ai cho tao làm người lương thiện” đã cho ta thấy được rằng bản thân Chí đã biết được câu trả lời, cũng như đã biết được kết cục của bản thân mình.Chí giết Bá Kiến là Chí đã nhận ra kẻ thù đích thực của mình, rồi sau đó Chí tìm đến cái chết vì đó chính là cái giá phải trả cho kẻ giết người, bởi giết người thì phải đền mạng nhưng quan trọng hơn Chí muốn được chết khi mình đã là một con người bởi nếu Chí sống thì Lý Cường cũng sẽ không tha cho Chí tội giết cha hắn, rồi Chí lại quay trở lại nhà tù thực dân đến khi ra tù sẽ bị bọn tay sai lợi dụng ép buộc làm điều sai trái một lần nữa và chúng lại cho Chí quay lại con đường tha hoá cái con đường mà Chí đã cố gắng vượt qua.

Cái chết của Chí Phèo phản ánh một hiện thực đầy đau lòng và xót xa trong số phận của người nông dân bị tha hoá lưu manh hoá trước cách mạng tháng tám năm 1945 do cuộc sống đói nghèo mang lại cũng như do sự đàn áp bốc lột của địa chủ phong kiến. Cái chết đó của Chí cho ta thấy Chí không muốn sống trong tình trạng bị dân làng Vũ Đại xa lánh coi Chí là con quỹ dữ, Chí chết để được làm người.Thật xót xa cho số kiếp của Chí nói riêng và cho số phận của những kẻ như Chí trong xã hội thực dân nửa phong kiến nói chung đó là họ rơi vào bi kịch bị cự tuyệt quyền làm người.

Qua bi kịch bị cự tuyệt quyền làm người của Chí Phèo tác giả tố cáo mãnh mẽ xã hội thực dân nửa phong kiến không chỉ đẩy người nông dân lương thiện vào con đường tha hoá, bị loại ra khỏi xã hội loài người mà còn đẩy họ đến bước đường cùng là cái chết.Từ cái chết của Chí phèo tác giả cũng muốn gửi đến cho chúng ta thông diệp về sự sống: Được sống là điều quan trọng nhưng được sống có ích, sống trong sự yêu thương, tôn trọng của mọi người mới là điều quan trọng hơn, nếu sống mà bị mọi người xa lánh, ghê sợ, sống để làm những điều ác để xã hội coi khinh thì đó làm một cuộc sống đầy bi kịch,chỉ gây tai hoạ cho xã hội.

Số phận của Chí Phèo là vậy còn Mị trong Tác phẩm “Vợ chông A Phủ” của nhà văn Tô Hoài cũng chẳng kém gì. Mặc dù kết cục không phải chết nhưng cuộc sống của Mị khác gì là địa ngục trần gian. Qua số phận của nhân vật Mị và A phủ nhà văn đã thể hiện một cách xúc động nỗi khổ cực của người dân miền núi Tây bắc dưới ách thống trị của bọn chúa đất và thực dân, đồng thời phát hiện, khẳng định vẻ đẹp, sức sống mãnh liệt và quá trình vùng lên giải phóng cuộc đời của họ.

Mị là một cô gái Mèo xinh đẹp , giỏi giang, sống có ước mơ nhưng vì món nợ của cha mẹ với Thống Lí Bá Tra mà Thống Lí muốn ép cha Mị gả Mị cho Thống Lí để về làm con dâu gạt nợ, mặc dù Mị đã không đồng ý nhưng sau đó Mị cũng bị A Sử lừa bắt về làm vợ. Sống kiếp làm con dâu gạt nợ Mị đã không được gia đình Thống Lí coi trọng mà họ coi Mị không khác gì kiếp trâu ngựa ở trong nhà, cô đã bị bốc lột sức lao động một cách tàn nhẫn, vì không muốn chịu kiếp sống trâu ngựa ấy Mị đã có ý định ăn lá ngón tự vẫn nhưng nghĩ đến món nợ của cha mẹ Mị lại không làm điều đó nữa.

Cái ý định tự vẫn của Mị cho ta thấy sự phản kháng với thực tại của cố gái này. Cô không muốn tương lai của mình bị chôn vùi trong nhà Thống Lí, hơn nữa Mị muốn được sống trong tình yêu, sống với người mình yêu, được sống trong sự tự do với những khao khát bình thường nhất của một cô gái trẻ trung, xinh đẹp, tài năng. Đó là một cuộc sống đầy ý nghĩa , một cuộc sống đáng sống của một con người. Chính vì Mị không được sống một cuộc sống có ý nghĩa nên khi phải chấp nhận cuộc sống là kiếp trâu ngựa trong nhà Thống Lí thì Mị đã trở nên vô cảm, sống “lùi lũi như con rùa nuôi trong só cửa” đây chính là biểu hiện của tâm lí của một cô gái bị sống ép buộc, không được sống với ước mơ hoài bão của mình.

Qua ý định tự vẫn của Mị Tô Hoài cũng gửi đến cho chúng ta thông điệp về sự sống: Cuộc sống luôn quý giá với mỗi con người nhưng khi được sống thật với trái tim, sống với ước mơ khát vọng của bản thân thì cuộc sống đó mới thực sự có ý nghĩa, mới đáng sống.

Đối với hai nhà văn Nam Cao và Tô Hoài  đã có những quan niệm, những triết lí sâu sắc về sự sống theo cách lí giải riêng của văn học còn với nhà viết kịch Lưu Quang Vũ thì sao? Một nhà viết kịch với nhiệm vụ và chức năng thật cao cả làm sao mà thông qua những xung đột trong vở kịch giúp cho người xem người đọc nhận ra được những triết lí sâu xa về cuộc đời thì với một tài năng thiên bẩm về viết kịch Lưu Quang Vũ đã gây sóng gió trên sân khấu kịch trường những năm tám mươi và cho đến ngày nay những vở kịch của ông vẫn còn mới mẻ và hấp dẫn người đọc cũng như người xem. Những vở kịch được xem là kinh điển không thể không nhắc đến đó là “Hồn Trương Ba da hàng thịt”.Từ một cốt truyện dân gian Lưu Quang Vũ  đã xây dựng thành một vở kịch nói hiện đại, đặt ra nhiều vấn đề mới mẻ có ý nghĩa tư tưởng, triết lí và nhân văn sâu sắc.

Nhân vật kịch được nhà văn gửi gắm nhiều triết lí đó là Hồn Trương Ba. Trương Ba ở hạ giới là một người làm vườn, giỏi đánh cờ, có nhân cách và giàu lòng yêu thương con người.Chỉ vì sự làm việc thất trách của Nam Tào đã khiến cho Trương Ba phải chết oan, vì để sửa sai nên Đế Thích đã yêu cầu Nam Tào cho hồn Trương Ba được sống trong xác của anh hàng thịt vừa mới chết. Từ đó Trương Ba được sống trong hình hài của thể xác của người khác.Thời gian đầu hồn Trương Ba vẫn còn điều khiển được thể xác nhưng một thời gian sau thể xác cũng có một đời sống riêng, cũng chi phối và điều khiển lại hồn. Sau khi không thể chịu nổi cảm giác bản thân mình đã bị thể xác anh hàng thịt chi phối cũng như nỗi đau đớn khi bị người thân xa lánh, đau khổ trước sự thay đổi của mình, Hồn Trương Ba đã quyết định gặp Đế Thích để chấm dứt tình trạng “bên trong một đàng bên ngoài một nẻo”.

Khi gặp Đế Thích Trương ba đã thổ lộ mọi bức bối của mình và quyết tâm trả lại thể xác cho anh hàng thịt để chấp nhận cái chết, trước sự khó hiểu của Đế Thích về con người ở hạ giới đó là cho sống lại không muốn sống thì Trương Ba cũng đã giải thích cho Đế thích hiểu rằng : “ông chỉ nghĩ đơn giản là cho tôi sống nhưng sống như thế nào thì ông không cần biết”. Như vậy trong câu nói của Trương Ba “sống như thế nào” đây mới là điều quan trọng của sự sống. Bởi soi vào bản thân của Hồn Trương Ba ta thấy rằng: Khi để được sống, Trương Ba phải sống nhờ vào thể xác anh hàng thịt nhưng rồi dần dần thể xác đã chi phối và điều khiển linh hồn khiến cho linh hồn của Trương Ba dần bị tha hoá làm cho người thân phải đau đớn, không chấp nhận là ông Trương Ba làm vườn ngày xưa, như vậy lúc Trương Ba sống trên thực tế nhưng lại chết dần trong trái tim của mọi người trong gia đình.

Sau khi từ chối nhập vào xác của cu Tỵ và chấp nhận cái chết mặc dù sẽ thiệt thòi cho bản thân, gây nỗi đau đớn cho gia đình nhưng lúc này linh hồn Tương Ba lại sống mãi, luôn hiện hữu trong cây cối trong vườn, trong từng bậc cửa…và trong trái tim người thân, đối với họ Trương Ba vẫn còn sống và luôn sống trong trái tim của họ.

Qua hai lần khước từ sự sống để chấp nhận cái chết của nhân vật Tương Ba nhà viết kịch Lưu Quang Vũ muốn gửi tới người đọc thông điệp về sự sống đó là: Được sống làm người quý giá thật nhưng được sống đúng là mình, sống trọn vẹn những giá trị mình vốn có và theo đuổi còn quý giá hơn. Sự sống chỉ thật sự có ý nghĩa khi con người được sống tự nhiên với sự hài hoà giữa thể xác và linh hồn. Con người phải luôn biết đấu tranh với nghịch cảnh, với chính bản thân, chống lại sự dung tục để hoàn thiện nhân cách và vươn tới những giá trị tinh thần cao quý.

Có thể nói văn học nghệ thuật với chức năng thật cao cả là luôn hướng con người đến những giá trị:  Chân – Thiện – Mĩ . Mỗi tác phẩm nghệ thuật đều là những tấm gương phản chiếu đời sống qua lăng kính chủ quan của mỗi nhà văn. Nhà văn chân chính với thiên chức cao cả là thông qua tác phẩm của mình đều đem những triết lí sâu sắc gửi đến người đọc giúp cho người đọc hiểu sâu sắc hơn về cuộc đời để sống có ý nghĩa hơn, sống xứng đáng với danh hiệu “con người”.